

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Nhật Lam**

*Các hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Lê Hữu Nghị**.

2- Ông **Võ Hoàng Trọng**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ Thư** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ái N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **C P, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh** (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Tổ H, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ái N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **N** và anh **T** chung sống với nhau từ năm

2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân hơn 03 năm đến nay không hàn gắn được, chị N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: 01 cháu tên Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 25/12/2014 hiện đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Nhật T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái N có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn anh Nguyễn Nhật T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; giao con chung tên Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 25/12/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Nhất T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Chị N và anh T chung sống với nhau có thực hiện việc đăng ký kết hôn năm 2015, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T do anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, ly thân từ năm 2020 đến nay không tự hàn gắn được, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã nhiều lần triệu tập nhưng anh T luôn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của anh chị, do đó yêu cầu ly hôn chị N là có căn cứ chấp nhận.

[3] **Về con chung:** 01 cháu tên Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 25/12/2014 hiện đang sống ổn định với chị N, nên giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Ái N** đối với anh **Nguyễn Nhật T**:

Chị **Nguyễn Thị Ái N** được ly hôn với anh **Nguyễn Nhật T**.

2. Về con chung: Giao chị **Nguyễn Thị Ái N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Nguyễn Trọng Đ**, sinh ngày 25/12/2014.

Anh **Nguyễn Nhật T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Ái N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Ái N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008799 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị **N** đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **N**, anh **T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**Trương Nhật Lam**